

ĐẨY MẠNH XÃ HỘI HOÁ VỚI VẤN ĐỀ NGUỒN LỰC VÀ ĐỘNG LỰC ĐỂ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

■ Trần Hồng Quân *

TÓM TẮT

Nền giáo dục Việt Nam hiện chưa đáp ứng được sứ mạng của nó đối với sự phát triển của đất nước. Sự trì trệ của cơ chế bao cấp đã dẫn đến tình trạng trường ngoài công lập chỉ được xem như hình thức đa dạng hóa loại hình đào tạo mà chưa trở thành lực lượng nòng cốt thúc đẩy giáo dục phát triển. Đã đến lúc cần phải xem lại một cách đầy đủ hơn và thậm chí phải có những quyết sách làm thay đổi cơ cấu hệ thống trường ngoài công lập trong nền giáo dục nước nhà như một số mô hình của nhiều nước tiên tiến và cả những nước vốn có điểm xuất phát thua Việt Nam. Một trong những giải pháp quan trọng để thúc đẩy nó phát triển chính là bài toán kinh tế. Nó phải được nhìn từ hai phía: vai trò nhà nước và vai trò của các nhà đầu tư. Cần phải thừa nhận sự tồn tại của trường ngoài công lập và tạo điều kiện về mặt pháp lý để dần xóa bỏ cơ chế chủ quản xin cho, khuyến khích các tầng lớp xã hội tham gia. Đây là con đường phát triển đúng quy luật.

ABSTRACT

Stronger socialization with resources and motivation for higher education development

The education system of Vietnam has not fulfilled its mission for the development of the nation. The inertia and the mentality of the centrally planned economy have created the situation that non-public universities are considered only as one of diversified models of higher education institutions, but not as important forces for higher education development. It is necessary to reconsider carefully and to make important policy decisions to alter the structural composition of non-public universities over the whole higher education system similar to the models of many highly developed countries, and even of some countries less developed than Vietnam. One of important solutions to promote development of non-public universities is the application of the economic problem. This must be seen from both sides: the government role and the investors' role. The existence of non-public universities must be recognized and they should be provided legal conditions to abandon the "application - approval" mechanism and to encourage participation of all social stratum. This is the naturally correct path of development.

Ở các nước khác thường không có thuật ngữ xã hội hoá giáo dục. Chỉ có ở ta và Việt Nam vốn trải qua một thời kỳ dài nền giáo dục chỉ do nhà nước, chỉ bằng ngân sách nhà nước, chỉ bằng trường công lập. Thay đổi tình hình độc quyền, độc diễn đó ta gọi là xã hội hoá.

Ai cũng lo lắng về tình hình giáo dục nước nhà.

Riêng giáo dục đại học (GDĐH) chưa làm tròn sứ mạng là đào tạo lực lượng lao động có trình độ cao với chất lượng cao, tạo thành sức mạnh trí tuệ, sức mạnh cơ bản cho đất nước. Nước ta không nhỏ, dân ta thông minh hiếu học, nhưng lại là nước yếu chính vì yếu tố con người không được chăm lo đúng mức.

* GS, Nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Hiệp hội các trường ĐH, CĐ ngoài công lập

Về thực trạng nền giáo dục, thành tựu, yếu kém, nguyên nhân đã được mổ xẻ công phu, đặc biệt là trong dự thảo tờ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Tuyên giáo TW chuẩn bị cho hội nghị TW về giáo dục sắp tới. Ở đây chúng tôi xin không nhắc lại.

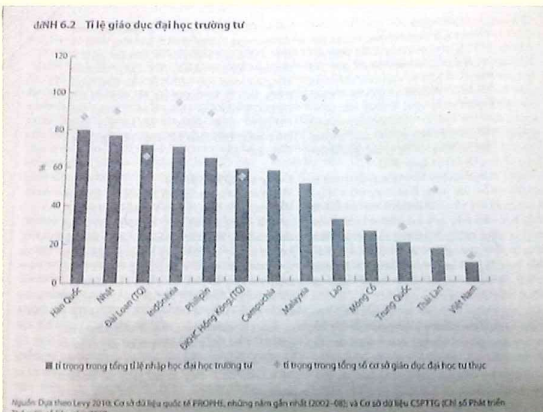
Mặt khác về triết lý giáo dục, về tính chất nhân bản của nền giáo dục, sứ mạng của nền giáo dục là nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài; mô hình nhân cách, mục tiêu chiến lược, cơ cấu hệ thống... Tóm lại là về những điều chúng ta mong muốn đạt được sắp tới có thể nói gọn: ta muốn gì? Tuy có nhiều ý kiến khác nhau nhưng cũng tương đối thống nhất về những điều cơ bản. Do đó ở đây cũng không bàn thêm.

Điều còn lại là làm thế nào để đạt được những mong muốn đó. Tôi muốn đề cập đến các giải pháp để giải quyết hai vấn đề lớn:

- Nguồn lực làm GDĐH.
- Động lực phát triển GDĐH.

1. Vấn đề nguồn lực

- Nước nào cũng khó khăn vì ngân sách nhà nước không đủ để đáp ứng cho giáo dục, ngay cả những nước giàu. Ở nước ta, tuy giáo dục được Quốc hội chi đến 20% ngân sách nhưng chi phí bình quân trên đầu người về giáo dục thuộc loại thấp nhất trong khu vực. Riêng chi phí bình quân để đào tạo một sinh viên đại học trong một năm chỉ được vài trăm đô la. Chưa có nơi nào trên thế giới ít như vậy, lẽ ra phải có 1,2 đến 1,5 lần GDP bình quân đầu người. Theo đó thì ở nước ta phải cần khoảng 1200 đến 1600 đô la/ trên một đầu sinh viên một năm.



- Trong khung tài chính eo hẹp đó, nhiều người khuyên là nên giảm quy mô đào tạo để nâng cao chất lượng. Khuynh hướng đó dường như đang trở lại việc đào tạo đại học tinh hoa. Nhưng thiếu một trong hai hoặc quy mô hoặc chất lượng, đều không thể tạo ra được sức mạnh trí tuệ của quốc gia để phát triển đất nước, để bảo vệ chủ quyền, để duy trì và phát triển nền văn hóa có bản sắc dân tộc; dứt khoát chúng ta không thể hi sinh một trong hai.

- Do vậy bài toán tài chính giáo dục phải được đặt trên bàn của Quốc hội, không thể tránh né. Trước đây cũng có lúc ta nêu vấn đề này nhưng vấp phải hai trở ngại lớn: một là, sự hạn chế của ngân sách nhà nước; hai là, phát sinh ra những vấn đề xã hội. Do đó, đành phải dừng, không suy nghĩ để có thể chờ đổi mới tư duy để giải quyết vấn đề này.

Để tăng cường nguồn lực phát triển giáo dục, ở rất nhiều nước, bộ phận giáo dục nghề nghiệp và đại học về cơ bản là học phải trả tiền và phát triển rất mạnh các trường đại học tư.

Năm 2012, Ngân hàng thế giới khu vực Đông Á và Thái Bình Dương công bố điều tra đánh giá GDĐH khu vực. Nhiều con số làm ta ngạc nhiên. Từ biểu đồ định lượng liệu nói trên (hình vẽ) với số liệu năm 2010 ta thấy:

Trong 13 nước Đông Á được khảo sát thì 8 nước có tỷ lệ sinh viên trường tư đạt từ gần 60% đến 80% so với tổng sinh viên của nước đó. Cao nhất là nhóm gồm Hàn Quốc, Nhật Bản gần 80%, nhóm tiếp theo là Đài Loan, Indonesia, Philippines, Malaysia, Hồng Kông trên dưới 70%. Tỷ lệ các trường tư còn cao hơn nữa, các nước Malaysia, Indonesia, Philippines, Nhật Bản đều trên 90%, Hàn Quốc gần 90%, Đài Loan gần 70%.

Tại sao nhiều nước đã và đang phát triển lại chú trọng phát triển các trường đại học tư đến như thế, thậm chí coi đó như một giải pháp chiến lược mang tính đột phá? Đó là một sự lựa chọn chiến lược khôn ngoan vì hai lợi ích lớn: một là huy động mạnh mẽ nguồn lực xã hội để làm giáo dục, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, khắc phục tình trạng khó khăn về ngân sách giáo dục mà nước nào

cũng gặp phải; hai là đưa GDĐH cũng như giáo dục nghề nghiệp thành một ngành dịch vụ (đặc biệt) có sự cạnh tranh thị trường, hình thành động lực phát triển, khắc phục sự trì trệ hay thấy của hệ thống trường công do ỷ lại vào nhà nước. Trên thực tế ta cũng dễ dàng nhận thấy sự phát triển mạnh mẽ của GDĐH ở các nước nói trên, góp phần quan trọng cho sự phát triển vượt trội của các nước này.

Ở Việt Nam, nhà nước đã sớm đưa ra chủ trương xã hội hoá giáo dục, cho thành lập các trường dân lập, tư thục. Đáng tiếc là điều đó chưa được nhận thức như một giải pháp mang tầm chiến lược mà chỉ là một sự đa dạng hoá đơn thuần, thậm chí là sự chấp nhận bất đắc dĩ. Do đó tuy hầu như cùng thời gian bắt đầu chủ trương quan tâm phát triển các trường đại học và cao đẳng tư thục như Việt Nam khoảng hai mươi năm trước, thậm chí nền đại học của bạn lúc đó có thể còn yếu hơn ta mà đến nay Malaysia đã có nền GDĐH tương đối tiên tiến với hơn 600 trường tư thục, có hơn 200 trường đào tạo có trình độ quốc tế. Còn nước ta đến nay mới có 12,7% sinh viên với số ngoài công lập chưa đến 15%. Các trường này phát triển trong điều kiện vô vàn khó khăn kể cả không được sự ủng hộ cổ vũ của nhiều cấp quản lý giáo dục.

Ta cần nhận thức rằng nền giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông về cơ bản phải do nhà nước chăm lo, chủ yếu bằng trường công, chủ yếu bằng ngân sách nhà nước để đào tạo ra các lớp công dân phát triển toàn diện cho xã hội.

Riêng về giáo dục nghề nghiệp bao gồm từ dạy nghề đến đại học được coi là thứ dịch vụ cung ứng cho sự đầu tư cá nhân để nâng cao năng lực lao động của từng người, chuẩn bị bước vào thị trường lao động sau này. Như vậy, học thì phải trả tiền, phải trả đầy đủ chi phí đào tạo. Đó là xã hội hoá phần đào tạo trong nền giáo dục. Ta rất khó thừa nhận giáo dục được coi như một dịch vụ. Trong khi đó thì nhà nước đã kí hiệp định WTO, trong đó coi dịch vụ đào tạo như là một sản phẩm khả mại. Mặt khác trên thực tế, ở Việt Nam đang có tồn tại cái tương tự như là thị trường dịch vụ giáo dục. Vấn đề ở chỗ làm thế nào để ta quản lý một cách hợp lý, đúng đắn để

nó phát triển đúng quỹ đạo.

Trong trường hợp đó thì ngân sách nhà nước phải đảm đương điều gì? Như trên tôi nói, trước hết ngân sách nhà nước đảm đương về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Nhà nước còn phải gánh việc đào tạo phục vụ công ích, công quyền, đào tạo diện chính sách. Nhà nước cũng phải gánh việc đào tạo nhân tài ở các trường trọng điểm chất lượng cao.

Hiện nay ở nước ta, số trường phục vụ cho đào tạo công ích, công quyền cũng không phải là nhỏ. Số trường đại học, cao đẳng của quân đội là 22, công an là 6 trường, ngoài ra còn các trường của Đảng, của các Bộ, của toàn thể chính trị - xã hội. Tổng cộng khoảng chừng hơn 80 trường. Nếu tính cả những trường ấy thì hệ thống các trường đại học, cao đẳng của Việt Nam khoảng hơn 500 trường. Số trường đào tạo cho công ích, công quyền chiếm khoảng 1/5. Chúng ta chỉ có 83 trường đại học, cao đẳng ngoài công lập, cho đến nay nhà nước không chi đồng nào, thậm chí kể cả đầu tư mỗi cũng không có. Nhà nước đang đầu tư dàn trải cả một hệ thống trường công rộng lớn như vậy cho nên khó đủ sức đầu tư thoả đáng cho từng trường.

Vì vậy, việc sắp xếp lại hệ thống các trường đại học, cao đẳng cả nước không thể không làm. Trước hết là phải trên cơ sở sứ mạng, đồng thời phải làm rõ vấn đề tài chính của từng loại trường này, theo tinh thần là cái gì mà xã hội không làm được thì nhà nước mới làm. Phải *xã hội hoá hệ thống trường công lập* để giảm gánh nặng trên vai ngân sách nhà nước.

Chúng ta có thể hình dung sơ bộ sự sắp xếp hệ thống như sau: các trường cho công ích, công quyền không tham gia đào tạo cho thị trường để thu tiền như hiện nay. Trường nào, ngành nào dân sự hoá được thì chuyển sang dân sự. Các trường dân sự trọng điểm quốc gia chỉ nên gom lại để dành khoảng 20 trường thôi để đầu tư cho thoả đáng.

Còn lại các trường công khác chuyển thành các trường tự quản nghĩa là phải lấy thu bù chi; nhà nước cho phép sử dụng trường sở, cơ sở vật đã

có chứ không bao cấp chi phí thường xuyên, cũng không đầu tư thêm. Thực chất các trường này sẽ được hoạt động theo cơ chế *bán công* với độ tự chủ cao về tài chính, về lao động tiền lương... Cần phải biến một số trường công trở thành trường công có sở hữu đan xen (đa sở hữu) để thu hút đầu tư thêm nhằm cải thiện điều kiện đào tạo. Ngoài ra, chuyển một số trường công thành trường tư, thành lập thêm các trường tư khi đủ điều kiện để nâng cao tỷ lệ các trường ngoài công lập trong hệ thống chung.

Khi xây dựng hệ thống đại học như vậy và chấp nhận một cơ chế dịch vụ đào tạo có trả tiền thì vấn đề xã hội được đặt ra là những người nghèo làm thế nào để học được, dù có hỗ trợ của nhà nước một phần kinh phí nhưng không thể đủ. Dân ta còn nghèo, nhiều nơi nhất là ở nông thôn khó có đủ điều kiện để trả chi phí ấy, cho nên nhà nước phải cho vay. Lâu nay nhà nước đã mở rộng cho vay. Nhưng số người được vay cần phải nhiều hơn mới thoả mãn được yêu cầu. Và số lượng được vay mỗi suất vay phải được tăng lên để đủ sức đảm bảo chi phí cho người học. Trong trường hợp đó không thể giữ cơ chế hiện nay, chỉ mỗi Ngân hàng Chính sách xã hội làm việc này. Cần *xã hội hoá tín dụng giáo dục*. Cần phải huy động thêm nhiều ngân hàng thương mại vào cuộc. Các ngân hàng này khi cho sinh viên vay sẽ gặp vấn đề là lãi suất ưu đãi thấp hơn nhiều so với lãi suất thương mại thị trường thì Ngân hàng Chính sách xã hội phải bù vào đó. Đồng thời Ngân hàng Chính sách xã hội đương nhiên phải bù vào phần gọi là rủi ro khi các ngân hàng thương mại cho vay. Mặt khác, các ngân hàng thương mại có kinh nghiệm để quản lý vốn vay. Điều đó rất tốt để giảm thất thoát. Ngân hàng Chính sách xã hội không cần phải có số vốn quá lớn để bảo đảm vốn gốc cho vay. Tất nhiên để đảm bảo sự vận hành này cần có những định chế xã hội kèm theo về mặt quản lý xã hội thì mới tránh được thất thoát rủi ro cho ngân hàng để biến chủ trương xã hội hóa tín dụng giáo dục trở thành hiện thực.

Ta vẫn còn có khả năng huy động nhiều nguồn lực khác ngoài ngân sách nhà nước. Khuyến khích lập các quỹ hỗ trợ giáo dục. Khai thác đóng góp

trước thuế của các doanh nghiệp...

2. Vấn đề động lực phát triển giáo dục

Sau giải phóng 38 năm mà nền đại học của chúng ta mới phát triển như hiện nay là quá thấp so với sứ mạng của nó, quá thấp so với yêu cầu xây dựng đất nước, quá thấp so với yêu cầu và điều kiện hội nhập. Ở đây có thể thấy là chưa có sự nóng lòng sốt ruột ở cấp vĩ mô, có sự trì trệ ở cấp quản lý trung gian và có sự thụ động phổ biến ở các cấp cơ sở. Thầy và trò không phải chịu áp lực về những vấn đề trên trong quá trình dạy và học. Áp lực về đời sống ở các thầy không biến nó thành áp lực công việc.

Để giải quyết vấn đề này thì phải giải quyết một số điểm sau đây:

- Phải giải quyết nhận thức về sứ mạng giáo dục của xã hội, phải khẳng định trên thực tế "giáo dục là quốc sách hàng đầu", phải xây dựng một kế hoạch chiến lược quốc gia, phải có sự chỉ đạo ở tầm cao, tầm vĩ mô, tầm Bộ chính trị, Quốc hội; phải xây dựng Bộ tư lệnh tiền phương đủ mạnh và thực sự có tư duy mới; cần có Hội đồng giáo dục Quốc gia đủ quyền lực và không nên chỉ bao gồm các thành viên của Chính phủ; phải xây dựng các quyết tâm của các cấp ủy Đảng từ Trung ương đến địa phương và sự đồng thuận của toàn bộ xã hội.

- Phải thừa nhận và thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh, sự sàng lọc để tạo thành động lực tự thân của từng tổ chức giáo dục, của từng cán bộ quản lý, của từng thầy giáo. Không có cạnh tranh thì sẽ dẫn đến trì trệ. Với cơ cấu hệ thống như nội dung bên trên ta có thể đưa 4/5 số trường đại học và cao đẳng vào môi trường cạnh tranh.

- Sớm đổi mới việc đánh giá, kiểm định chất lượng, công khai điều kiện đào tạo, đổi mới thi cử.

- Đổi mới cơ chế quản lý. Phải khẳng định quyền tự chủ là thuộc tính của các trường đại học. Khi cho phép mở các trường đại học thì có nghĩa là đã thừa nhận quyền tự chủ đầy đủ của nhà trường. Chỉ khi nào có sai phạm thì mới chế tài một số quyền tự chủ. Phải xây dựng pháp luật và pháp quy không gò bó, tạo ra một hành lang nghiêm mà rộng để các

trường hoạt động cảm thấy tự do. Phải xóa bỏ cơ chế chủ quản, xóa bỏ cơ chế xin cho, xóa bỏ cầm tay chỉ việc. Khuyến khích sáng tạo. Khuyến khích tăng cường hợp tác quốc tế, đó là giải pháp đi tắt công nghệ đào tạo tiên tiến. Đó là con đường giúp đất nước tránh khỏi tụt hậu.

Cuối cùng xin nói thêm, lâu nay chúng ta ít khi

bàn rớt ráo về giải pháp, nhất là cơ chế. Có đi sâu vào giải pháp mới thấy hết những khó khăn để đạt được mục tiêu, có khi phải có những giải pháp phi truyền thống mới giải quyết được vấn đề. Và trong trường hợp đó đòi hỏi chúng ta phải có tư duy mới, không có cách nào khác.

Tháng 9/2013